TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 18 -7-2024
V/v: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và bà Trần Thị Thuý Vinh
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST - HNGĐ ngày 19/4/2024 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị L**, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Qu. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N**, sinh năm 1993
Nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Qu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt chị Lê Thị L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn N có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2017 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Qu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm, sau đó vợ chồng đi làm ăn cho đến đầu năm 2023 trở về quê sinh sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vã khiến cuộc sống hết sức căng thẳng nên đầu năm 2023 chị L đã bỏ nhà vào miền N làm ăn cũng chính từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị L đề nghị Toà án giải quyết xin ly hôn anh Nguyễn Văn N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 12/10/2017. Nguyện vọng của chị L mong muốn được nuôi con và yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn N nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh bà Nguyễn Thị Vân là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N cho biết bà là người trực tiếp nhận các giấy tờ, tài liệu Toà án gửi cho con trai bà là Nguyễn Văn N do khi cán bộ xã đến giao thì con trai bà đi làm tuy nhiên khi anh N đi làm về thì bà đã thông báo lại cho anh N biết sự việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng do không muốn ly hôn nên anh N không thực hiện theo giấy triệu tập của Toà án. Bà Vân cũng cho biết anh N hiện tại đang làm nghề phụ xây ở trong làng. Công an xã L cũng xác nhận anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Qu hiện anh đang làm ăn sinh sống tại địa phương. Ngày 11/6/2024, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/6/2024, đã tiến hành tống đạt quyết định cùng giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh N và Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai. Tại phiên tòa ngày 28/6/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần 2, anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án mặc dù đã nhận và đã biết được các thủ tục thông báo của Tòa án. Ngày 28/6/2024 Toà án đã tiến hành mở phiên toà nhưng anh N vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần 2, anh N vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N; về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 12/10/2017 cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu Nhi tròn 18 tuổi; về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị L và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Qu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ngày 28/6/2024 Toà án đã tiến hành mở phiên toà lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà làn 2, bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt, chị Lê Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Qu ngày 01/9/2017 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cải vã. Đầu năm 2023 chị L vào N làm ăn và vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2.] Về quan hệ con chung: thời điểm năm 2023 vợ chồng chị L, anh N sống ly thân cho đến nay cháu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 12/10/2017 sống cùng chị L. Nguyện vọng của chị L mong muốn được nuôi con và đề nghị anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

3. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 12/10/2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu Nguyễn Thảo Nh tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện:

- Án phí ly hôn: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002601 ngày 19 tháng 4 năm 2024, chị L đã nộp đủ án phí vụ kiện.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Qu;
- UBND xã L
Số giấy CNKH 35 ngày 01/9/2017 tại UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương